

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	TD3+JS2+P8	7:25	21+1+0	0+0+0		9+11+2	0+0+0	
2	406	TD5+CLO+VSP01	7:25	17+3+2	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
3	420	PVD2+RP3+PPD	7:25	5+11+6	0+0+0		0+11+11	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TU RP3-PPD
4	846	P4+P6	9:25	18+0	0+0		16+6	0+0	
5	406	PPD+AMD	9:25	15+0	0+0		15+7	0+0	
6	420	CTK3+RC4+RCDM	9:25	9+0+0	0+0+0		12+7+3	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : 1 NGƯỜI DVL TD3 VỀ BỜ QUA TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26-Oct-17	TO: TD5 - CLO - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy -	ETA: 09:15
cam-1		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN DUNG	TD5					90	KHOAN	Vietnamese
2	UVAISHOV A.X	TD5	06	1	5		103	KHOAN	Russian
3	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	08	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VAN SỰ	TD5	02	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN TAI	TD5	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM QUANG NGU	TD5	07	1	5	38	80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEU	TD5	05	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	VI HUNG CUONG	TD5	09-10	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN ANH	TD5					77	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM HUNG SON	TD5	16	1	5		73	NHA THAU	Vietnamese
11	LE NGOC THANG	TD5	13	1	8		65	NHA THAU	Vietnamese
12	BUI VAN HUONG	TD5	14	1	8		70	NHA THAU	Vietnamese
13	PHAM VAN CHIEN	TD5	12	1	5		55	NHA THAU	Vietnamese
14	ĐO ĐUC HIEU	TD5	11	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
15	VO HUU TAN	TD5	01	1	5		75	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TRIET	TD5	03	1	10		67	DVL	Vietnamese
17	PHAM THE TAM	CLO	94-95	2	17	15	67	KHOAN	Vietnamese
18	TÀ BA HOAN	CLO	96	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	BUI ANH TUAN	CLO	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	VSP01	66	1	5		75	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ĐO	VSP01	65	1	5	70	58	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	15	79	1.192	38	17		
2	CLO	3	4	32	197	15	3		
3	VSP01	2	2	10	133	70	2		
TOTAL		21	21	121	1.522	123	22		
WEIGHT KG				121	1.522	123			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2017	TO: PVD2 - RP3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vn - DUONG - DKHANH	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG THAI SON	PVD2	70	1	10		72	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIET	PVD2	68-69	2	14		75	DVL	Vietnamese
3	BUI HUY BANG	PVD2	67	1	10		70	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THU	PVD2	66	1	12	8	70	DVL	Vietnamese
5	KIEU TUAN ANH	PVD2	65	1	7		85	DVL	Vietnamese
6	TRAN DUC THUAN	RP3	35	1	3	22	82	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM TIEN PHI	RP3	38	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN SANG	RP3	36	1	3		58	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN SEN	RP3	32	1	4		74	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CHINH THI	RP3	34	1	3		74	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	31	1	5		71	KHI	Vietnamese
12	HO VAN LUONG	RP3	39	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	HOANG CONG QUAN	RP3	33	1	7		85	KHI	Vietnamese
14	DUONG HONG QUAN	RP3	37	1	6		72	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN LAP	RP3	30	1	4		57	KHI	Vietnamese
16	LE MANH HUNG	RP3	29	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
17	DO DUY LICH	PPD	27	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG CHUONG	PPD	29	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	FPOLOV D.V	PPD	26	1	12		78	KHI	Russian
20	PHAM HAI QUANG	PPD	30	1	4		75	KHI	Vietnamese
21	DO CHUNG KIEN	PPD	28	1	4	40	62	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	31	1	4	33	75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	5	6	53	372	8	0		CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG PPD
2	RP3	11	11	52	774	22	11		
3	PPD	6	6	36	424	73	11		
TOTAL		22	23	141	1.570	103	22		
WEIGHT KG				141	1.570	103			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2017	TO: TD3 - JS2 - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNHIK	TD3	72	1	6	55	72	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NAM CUONG	TD3	69	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN BAT	TD3	59	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DINH HUNG THAI	TD3	63	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HUNG DUONG	TD3	70	1	3		95	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG	TD3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH AI HUU	TD3	71	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VIET DUNG	TD3	65	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANG LOI	TD3					64	KHOAN	Vietnamese
10	LE LONG	TD3	81	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUY HOANG	TD3	76	1	4		55	NHA THAU	Vietnamese
12	TRUONG BA KHOE	TD3	73-74	2	10		72	NHA THAU	Vietnamese
13	BUI VIET PHUONG	TD3	75	1	10		61	NHA THAU	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	TD3	77-78	2	18		55	CODIEN	Vietnamese
15	DO VIET LONG	TD3	64	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN DAI NGHIA	TD3	80	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
17	HA QUANG HUY	TD3	68	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN CONG PHU	TD3	79	1	12		79	CODIEN	Vietnamese
19	DINH VIET DUNG	TD3	58	1	3	18	52	DVL	Vietnamese
20	PHAN SY CAO	TD3	66	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	DUONG THE VINH	TD3	67	1	7		70	PSV	Vietnamese
22	NGO VIET PHUONG	JS2	31	1	6	64	84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	22	139	1.449	73	9		
2	JS2	1	1	6	84	64	11		
3	P8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	145	1.533	137	22		
WEIGHT KG				145	1.533	137			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2017	TO: P4 - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUỐC VIỆT	P4	49	1	5		58	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN BẠCH DUONG	P4	54	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	BRATCHIK A.C	P4	42	1	7		95	KHI	Russian
4	KOLECHIK A.IO	P4	38	1	10		104	KHI	Russian
5	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	56	1	5		77	KHI	Vietnamese
6	PHẠM TRẠI	P4	45	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN ĐĂNG TUAN	P4	50	1	4		69	KHI	Vietnamese
8	PHẠM MỘNG THANH	P4	57	1	7		67	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VIỆT NGỌC	P4	53	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	VU ĐÌNH CUONG	P4	43-44	2	7		78	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN MINH CANG	P4	58	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	LÊ TRUNG LAM	P4	52	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TAI	P4	55	1	5	10	63	KHI	Vietnamese
14	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	51	1	5		61	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	46-47	2	7		77	KHI	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐÌNH HIEN	P4	48	1	9		70	KHI	Vietnamese
17	TRAN VAN MANH	P4	40	1	8		83	NHATHAU	Vietnamese
18	LÊ CAO CUONG	P4	41	1	7		60	NHATHAU	Vietnamese
19	PHẠM ANH TUAN	P4	39	1	3		62	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	21	112	1.372	10	16		
2	P6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		19	21	112	1.372	10	22		
WEIGHT KG				112	1.372	10			

GRAND TOAL: 1.494 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2017	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy -	ETA: 11:15
CAM-2		Toan	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	PPD	38	1	5		67	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN CONG HIEN	PPD	20	1	5	60	60	KHI	Vietnamese
3	HOANG MINH HIEU	PPD	25	1	5		56	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TA	PPD	43	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN VU	PPD	47-48	2	10		77	KHI	Vietnamese
6	TRINH CONG BINH	PPD	40	1	5		62	KHI	Vietnamese
7	LE VAN LONG	PPD	21,24	2	17		70	KHI	Vietnamese
8	LUONG NGOC THANH	PPD	19	1	5		96	KHI	Vietnamese
9	VU THANH BINH	PPD	42	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	PHUNG VAN CHINH	PPD	41	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	PPD	22	1	5		80	KHI	Vietnamese
12	DO VAN THANH	PPD	39	1	5		80	KHI	Vietnamese
13	BUI THANH	PPD	17-18	2	10		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HOA	PPD	23	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	TRAN MINH THUAN	PPD	37	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	18	97	1.074	60	15		
2	AMD	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		15	18	97	1.074	60	22		
WEIGHT KG				97	1.074	60			

GRAND TOAL: 1.231 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2017	TO: CTK3 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - DKHÁNH	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI CÔNG THANH	CTK3	86	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
2	HA XUÂN THANH	CTK3	82	1	12	27	70	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG PHÚC	CTK3	83	1	10	28	71	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN THÔNG	CTK3	81	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN CAO CUONG	CTK3	87	1	7	3	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN THAI BINH	CTK3	80	1	5	40	68	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM QUANG HUY	CTK3	84	1	9		103	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN NGOC BINH	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
9	TRAN VAN DAT	CTK3	85	1	7		56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	8	72	653	98	12		
2	RC4	0	0	0	0	40	7		
3	RCDM	0	0	0	0	22	3		
TOTAL		9	8	72	653	160	22		
WEIGHT KG				72	653	160			

GRAND TOAL: 885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+TD3+TD2	7:25	3+17+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2017	TO: PVD2 - TD3 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VAN SI	PVD2	78	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VAN DUNG	PVD2	76	1	8		69	NIPI	Vietnamese
3	PHAM VAN THANH NGUYEN	PVD2	77	1	6		73	NIPI	Vietnamese
4	BUI QUANG TUYNH	TD3	06	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TRUNG	TD3	07	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
6	VO TRAN TRUNG	TD3	09-10	2	13		69	KHOAN	Vietnamese
7	VU HAI LONG	TD3	08	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
8	HA KHUONG DUY	TD3	15-16	2	14		61	KHOAN	Vietnamese
9	VU HUU KE	TD3	11-12	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN THOM	TD3	04-05	2	13		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THACH	TD3	03	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN NGOC	TD3	21-22	2	15		86	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VAN CHINH	TD3	13-14	2	17		81	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TUAN	TD3	26-27	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
15	DUONG TUAN VIET	TD3	28	1	15	37	59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VU NAM	TD3	25	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN SANG	TD3	20	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG CHUNG	TD3	24	1	5		54	XAYLAP	Vietnamese
19	VU TUAN ANH	TD3	01	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN NGOC THE	TD3	17-18	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN DUC LONG	TD2	01	1	12		55	D-VLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	3	19	223	0	0		
2	TD3	17	25	203	1.154	37	19		
3	TD2	1	1	12	55	0	3		
TOTAL		21	29	234	1.432	37	22		
WEIGHT KG				234	1.432	37			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN